TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: **69**/2018/HS-ST
Ngày: 18/10/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Thành Liêm
Các hội thẩm nhân dân 1. Ông Điểu Mẫn
2. Ông Lê Minh Dũng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hằng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa****:* Ông Lê Quang Vân- Kiểm sát viên.

Ngày 18/10/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xét xử vụ án hình sự thụ lý số 73/2018/TLST-HS ngày 21/9/2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử 72/2018/QĐXXST-HS ngày 02/10/2018 đối với bị cáo:

Võ Tuấn K,, sinh năm 1990 tại Bình Phước; Tên gọi khác: C; Nơi cư trú: tổ 02, ấp T, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Thanh H, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1964; Bị cáo có vợ tên Hoong Thị Mỹ D, sinh năm 1995 (đã ly hôn); Bị cáo có 01 người con sinh năm 2016; Tiền án: Ngày 04/3/2016 bị Tòa án nhân dân thị xã Bxử phạt 16 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, ngày 11/3/2016 Tòa án nhân dân huyện Lh xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; Tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2005 bị UBND huyện B áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng về hành vi gây rối trật tự công cộng; Năm 2013 chủ tịch UBND huyện H áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 12 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2018; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Điểu C, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 2, ấp L xã A, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Điểu V, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 2, ấp , xã A, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

- Người làm chứng:

Bà Võ Thị T, sinh năm 1947 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 3, ấp T, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 06/7/2018 K được 01 người có tên là L (chưa xác định nhân thân) gọi điện thoại cho K rủ K đi tìm xe mô tô để trộm bán lấy tiền tiêu xài. K đồng ý sau đó L và K sử dụng xe mô tô của L cùng đi tìm xe để trộm, K điều khiển xe chở L ngồi phía sau. Khi đến nhà bà Võ Thị T thuộc tổ 3, ấp T, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước nhìn thấy phía bên hông nhà bà T có 02 chiếc xe mô tô không có người trông coi K dừng xe sau đó giao xe cho L điều khiển đến ngã ba cách nhà bà T khoảng 50m đứng đợi, còn K đi vào nơi để xe phía bên hông nhà bà T tại đây có 2 chiếc xe mô tô trong đó có 01 xe là của bị hại Điểu C đi họp về để tại nhà bà T và ông C đi thăm ruộng. K chọn và lấy chiếc xe để phía bên trong là xe Honda Weve Blade màu đỏ biển số 93C-084.15 của ông C và dùng đoản sắt do L đã đưa cho K trước đó mở ổ khóa công tắc điện sau đó K quay đầu xe ra đường trên xe có một tập tài liệu nên K lấy để xuống đất cùng với nón bảo hiểm . Lúc này bà T nhìn thấy K đang ngồi trên xe nhưng nghĩ là cháu của ông Điểu C nên không nói gì, K khởi động máy và chào bà T sau đó điều khiển xe tẩu thoát ra hướng thị xã B.Nhận được tin báo lực lượng Công an xã K đã tổ chức chốt chặn và bắt được K cùng với tang vật

Bản cáo trạng số 44/CTr-VKSHQ ngày 21/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Võ Tuấn K về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng theo quy định.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Võ Tuấn K phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Võ Tuấn K mức án từ 24 đến 30 tháng tù.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: trong thời gian bị tạm giam, bị cáo đã suy nghĩ và ân hận về hành vi của mình, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét tạo điều khiện cho bị cáo sớm trở về làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo và những người tham gia tố tụng.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại về địa điểm xảy ra vụ án và toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 15 giờ ngày 06/7/2018, Võ Tuấn K thực hiện hành vi trộm 01 xe mô tô màu đỏ biển số 93C-084.15 phía bên hông nhà của bà Võ Thị T, trên đường tẩu thoát đã bị lực lượng Công an xã K chốt chặn và bắt được ngay sau khi K mới trộm xe của ông Điểu C.

Do đã có ý định từ trước nên khi K điều khiển xe lưu thông trên đường và để ý tìm tài sản, khi thấy có xe, K đã dùng đoản sắt mở khóa và tẩu thoát. Lợi dụng khi không thấy người trông coi tài sản, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản là xe mô tô với mục đích bán lấy tiền tiên xài cá nhân.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 105/KL-HĐĐGTTTHS ngày 10/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H chiếc xe của bị hại Điểu C có giá trị 15.040.000đ. Trên cơ sở đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Võ Tuấn K về tội Trộm cắp tài sản là có căn cứ.

Đối với người tên L (không rõ nhân thân), sau khi cùng K thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đã bỏ trốn, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

[3] Tại thời điểm thực hiện hành vi trộm tài sản cũng như tại phiên tòa công khai, bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên bị cáo chịu trách nhiệm bởi hành vi của mình. Bị cáo là người đang trong độ tuổi lao động, bị cáo hoàn toàn có thể tìm kiếm cho mình một công việc phù hợp với năng

lực và sức khỏe để có nguồn thu nhập, nhưng do muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xem thường pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội của mình với lỗi cố ý. Do đó, cần có một hình phạt nghiêm cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo thành người tốt có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu, trước đó bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện B và Tòa án nhân dân huyện L xét xử về tội trộm cắp tài sản sau khi chấp hành án xong chưa bao lâu, bị cáo tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản lần phạn tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn, tài sản đã được thu hồi và trả lại cho bị hại, nên bị cáo được Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về vật chứng vụ án:

Đối với chiếc xe mô tô mà bị cáo chiếm đoạt của ông Điểu C, quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã xử lý đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 02 thanh kim loại bị cáo K dùng để mở khóa xe là công cụ để thực hiện hành vi phạm tội không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

01 chiếc áo khoác dài tay màu đen là tài sản hợp pháp của bị cáo không liên quan đến vụ án trả lại cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại tài sản và yêu cầu bị cáo Võ Tuấn K bồi thường ổ khóa công tắc điện của xe mô tô do bị cáo làm hư hỏng với số tiền 360.000đ (ba trăm sáu mươi ngàn đồng). Bị cáo chấp nhận bồi thường.Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

Anh Điểu V không yêu cầu bồi thường đối với ông Điểu C nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh**:** Tuyên bố bị cáo Võ Tuấn K phạm: "Tội trộm cắp tài sản".

[2] Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Võ Tuấn K 02 (hai) năm tù. Thời gian tính tù từ ngày 06/7/2018.

Tiếp tục tạm giam bị cáo trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

[3] Trách nhiệm dân sự:

Áp dụng các điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị cáo Võ Tuấn Kiệt bồi thường cho bị hại Điểu Cư số tiền 360.000đ (ba trăm sáu mươi ngàn) đồng.

Tính từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành, hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định trên số tiền chậm trả tại thời điểm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

[4] Về vật chứng vụ án:

Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Trả cho bị cáo 01 áo khóa dài tay màu đen.

Tịch thu, tiêu hủy 01 thanh kim loại dài 13,5cm, 01 đầu nhọn dẹp và 01 thanh kim loại cán bằng nhựa đen dài 11cm, trên đầu có gắn 01 kim loại tròn hình dạng chữ L dài 2,5cm.

(*Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 0005577 ngày 25/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước*).

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Võ Tuấn K phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Bị cáo và đương sự;
- Bộ phận HSNV CA H;
- Phòng HSNC CA tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS huyện H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thành Liêm